

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-5-2021  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

Bà Mai Thị Kim Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Thư ký Tòa của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T , xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Ly hôn”, thụ lý số 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Ng. Th. Y

Sinh năm: 1959

Địa chỉ: 27/203/21 Đường Đ Phường ML quận B Thành phố H.

**- Bị đơn:** Ông NVN

Sinh năm: 1962

Địa chỉ: 88/1 Đường số 9 Phường B thành phố T tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Ng. Th. Y trình bày: Sau hơn năm năm tìm hiểu, bà và ông N kết hôn với nhau vào năm 1994. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, do ông N không quan tâm đến gia đình, có thói gia trưởng, thậm chí là bạo hành với bà. Khoảng tháng 12 năm 1995, do không chịu đựng được nên bà đã mang con lên Thành phố Hồ Chí Minh sống. Đến năm 1997, khi đưa con về thăm "bà

nội", thấy hoàn cảnh của ông N lúc đó, bà thương cảm nên đã bỏ qua và cũng là để cho con có một mái ấm thực sự. Tuy nhiên, ông N vẫn không thay đổi gì. Tình trạng hôn nhân không hạnh phúc nhưng vì con, bà cam chịu. Cuối năm 2019, ông N đã xây xong nhà tại Phường 4 thành phố T và từ đó, vợ chồng không sống cùng nhau nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung, bà và ông N có một người con chung, tên NTB, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1995. Con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng bà không nợ chung ai và không ai nợ chung vợ chồng bà.

Ông NVN đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông NVN và bà Ng. Th. Y là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông N không quan tâm đến gia đình, có tính gia trưởng, có hành vi bạo lực gia đình, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và không chung sống cùng nhau, từ cuối năm 2019. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại, bà Ng. Th. Y khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông NVN. Theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn NVN vẫn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, ngày 20 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T đã lập Biên bản về việc không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và Biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố T đưa vụ án ra xét xử, ông NVN vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa ngày 13 tháng 5 năm 2021 và ngày 28 tháng 5 năm 2021, ông N cũng không tham gia phiên tòa; Bà Ng. Th. Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Y và ông N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1994 nên áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000) để giải quyết về nội dung, theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Ông NVN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện thái độ không quan tâm, mặc kệ hậu quả. Đồng thời, ông N cũng không có bất cứ hành vi nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, khó có khả năng đoàn tụ. Tình trạng hôn nhân không hạnh phúc. Cho nên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có một người con chung, tên là NTB, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1995. Con chung đã thành niên.

[6] Về tài sản chung và nợ chung, do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Ng. Th. Y là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000), Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng. Th. Y đối với ông NVN.

Về án phí: Bà Ng. Th. Y chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005197 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L) thành án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ng. Th. Y, bị đơn NVN vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Chi cục thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Thảo**